# THÔNG BÁO PHIÊN BẢN NÂNG CẤP IMAS 12.1.7.5

Các anh/chị có thể nâng cấp phiên bản **IMAS 12.1.7.5** (lưu ý trước khi cập nhật nên sao lưu dữ liệu trước), nội dung cập nhật bao gồm:

**Tất cả:**

- Cập nhật mẫu biểu đối chiếu số dư tài khoản tại Kho bạc mẫu số 19: Hiện số 0 đối với trường hợp không có số phát sinh.

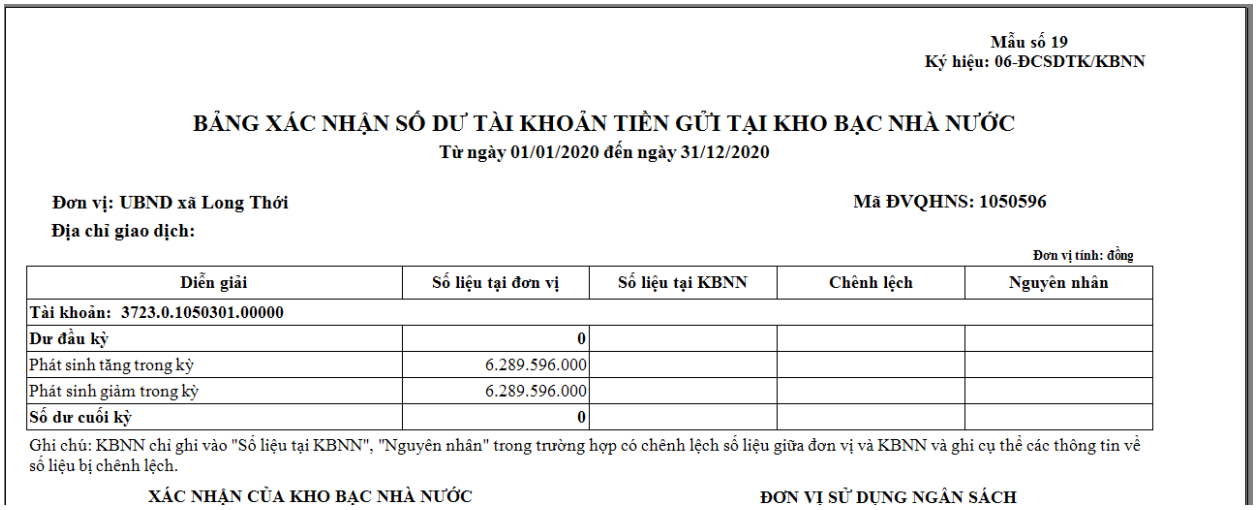

Mẫu số 19
Ký hiệu: 06-ĐCSDTK/KBNN

**BẢNG XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC**
Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020

**Đơn vị: UBND xã Long Thới** **Mã ĐVQHNS: 1050596**
**Địa chỉ giao dịch:**

Đơn vị tính: đồng

| Diễn giải | Số liệu tại đơn vị | Số liệu tại KBNN | Chênh lệch | Nguyên nhân |
|---|---|---|---|---|
| **Tài khoản: 3723.0.1050301.00000** | | | | |
| **Dư đầu kỳ** | **0** | | | |
| Phát sinh tăng trong kỳ | 6.289.596.000 | | | |
| Phát sinh giảm trong kỳ | 6.289.596.000 | | | |
| **Số dư cuối kỳ** | **0** | | | |

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Số liệu tại KBNN", "Nguyên nhân" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

**XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC** **ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH**

- Cập nhật chức năng kết xuất excel các mẫu biểu 20a, 20c theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP: Kết xuất file excel theo form chuẩn.

- Cập nhật mẫu biểu 20a (sắp xếp tự chủ, không tự chủ): Hiển thị số 0 đối với cột "Dự toán đã sử dụng" và "Dự toán còn lại" khi không có số phát sinh.

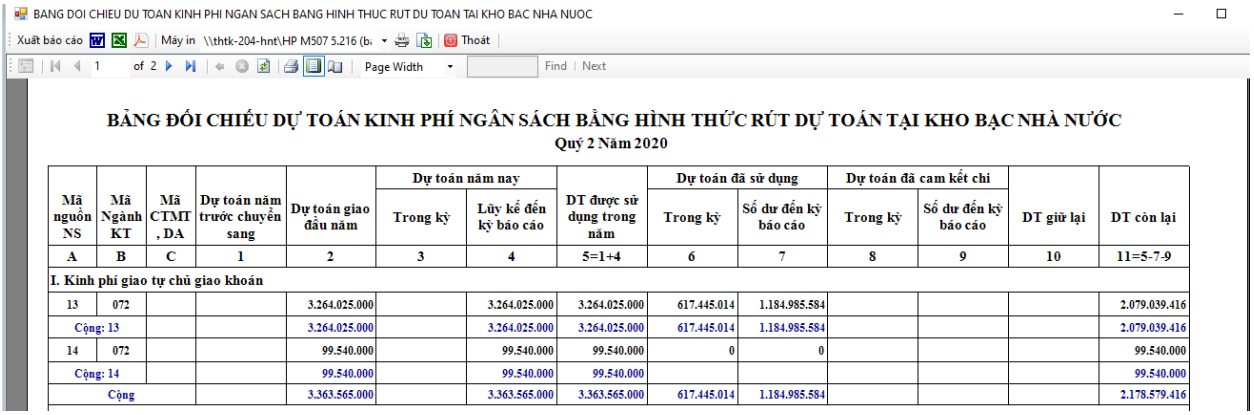


**BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC**
**Quý 2 Năm 2020**

| Mã nguồn NS | Mã Ngành KT | Mã CTMT, DA | Dự toán năm trước chuyển sang | Dự toán giao đầu năm | Dự toán năm nay | | DT được sử dụng trong năm | Dự toán đã sử dụng | | Dự toán đã cam kết chi | | DT giữ lại | DT còn lại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Trong kỳ | Lũy kế đến kỳ báo cáo | | Trong kỳ | Số dư đến kỳ báo cáo | Trong kỳ | Số dư đến kỳ báo cáo | | |
| A | B | C | 1 | 2 | 3 | 4 | 5=1+4 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11=5-7-9 |
| I. Kinh phí giao tự chủ giao khoán | | | | | | | | | | | | | |
| 13 | 072 | | | 3.264.025.000 | | 3.264.025.000 | 3.264.025.000 | 617.445.014 | 1.184.985.584 | | | | 2.079.039.416 |
| Cộng: 13 | | | | 3.264.025.000 | | 3.264.025.000 | 3.264.025.000 | 617.445.014 | 1.184.985.584 | | | | 2.079.039.416 |
| 14 | 072 | | | 99.540.000 | | 99.540.000 | 99.540.000 | 0 | 0 | | | | 99.540.000 |
| Cộng: 14 | | | | 99.540.000 | | 99.540.000 | 99.540.000 | | | | | | 99.540.000 |
| Cộng | | | | 3.363.565.000 | | 3.363.565.000 | 3.363.565.000 | 617.445.014 | 1.184.985.584 | | | | 2.178.579.416 |

## IMAS (Kế toán hành chính sự nghiệp):

- Cập nhật mẫu biểu quyết toán kinh phí dự án F01-02/BCQT: Cho phép lựa chọn mã dự án để lên thông tin của dự án trong báo cáo.

### *Cách thực hiện:*

Bước 1: Khai thông tin dự án trong "Danh mục dự án"

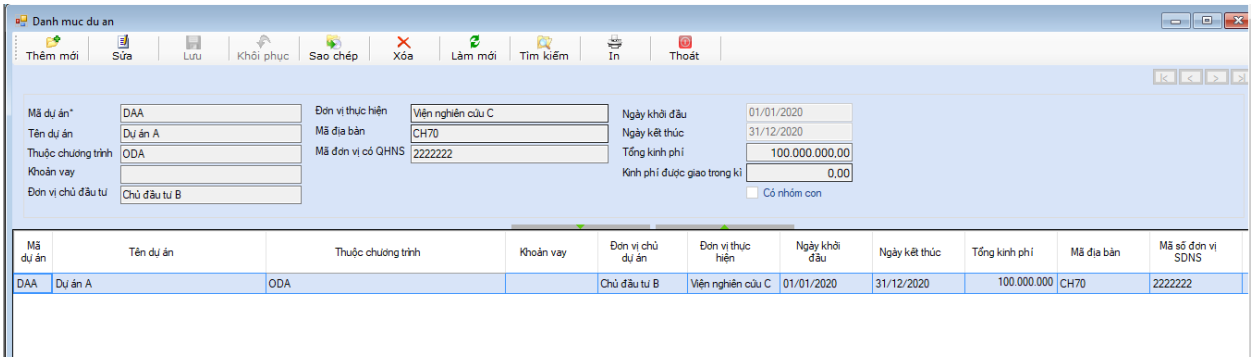


Bước 2: Chọn báo cáo "F01-02/BCQT", chọn dự án cần xem.

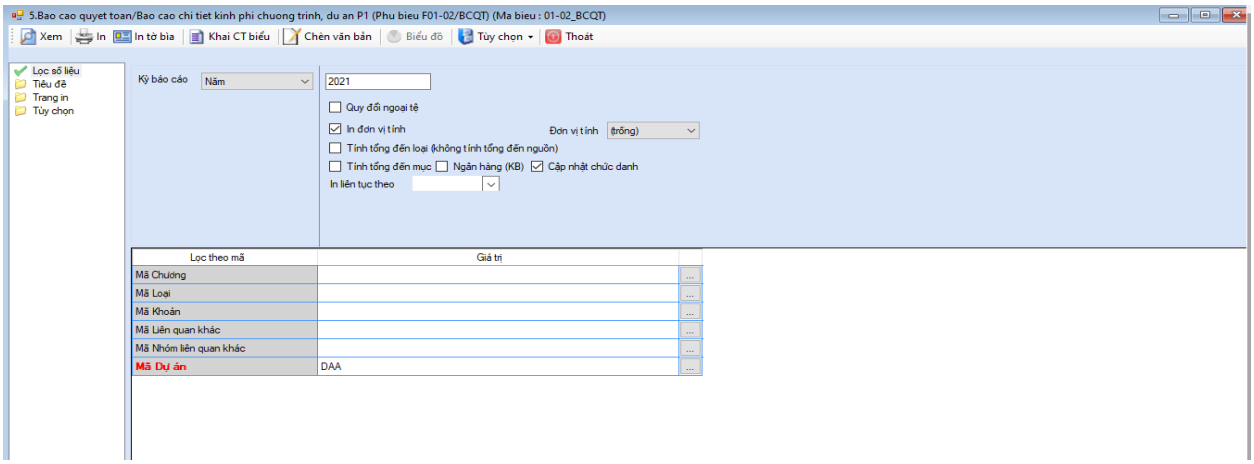

Bước 3: Báo cáo F01-02/BCQT hiển thị nội dung thông tin dự án theo nội dung đã nhập tại "Danh mục dự án"

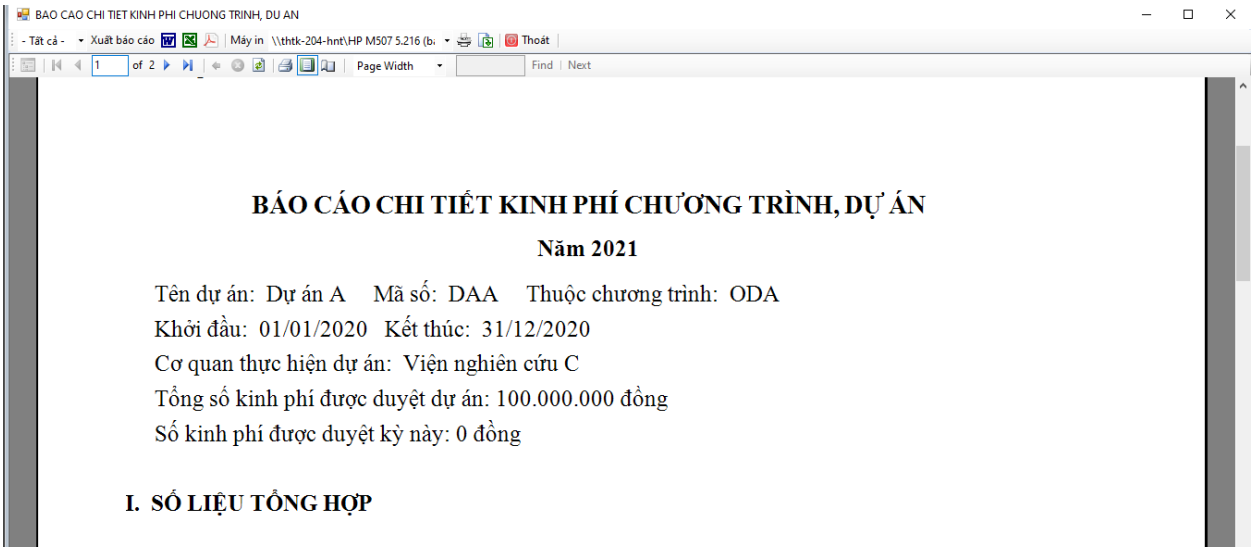


- Bổ sung mẫu số 07-Bảng kê chứng từ thanh toán/tạm ứng (Biểu dọc, tính tổng đến tiểu mục) tại menu Nhập chứng từ kế toán.

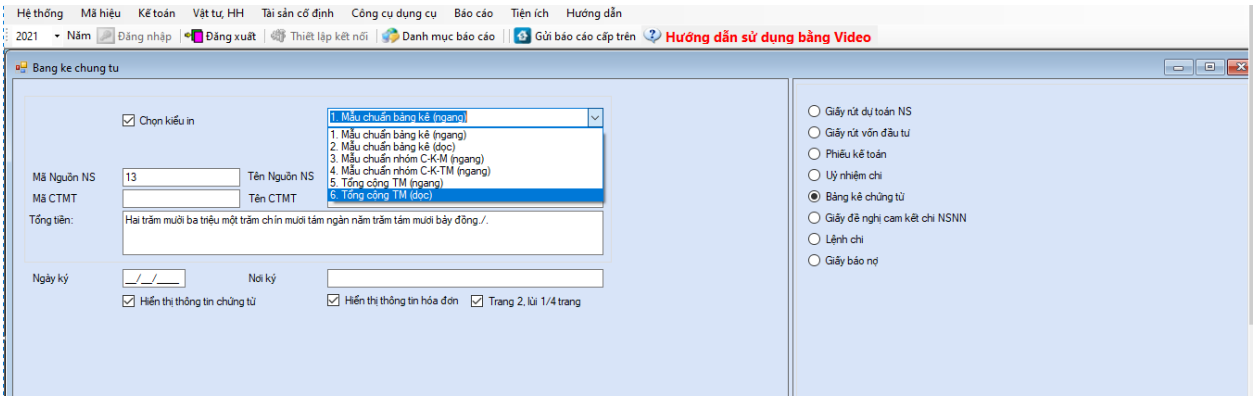


- Cập nhật báo cáo BSTT Phần I: chức năng sao chép công thức để hiển thị số liệu theo cột tương ứng.

***Cách thực hiện:***

Bước 1: Vào "Tùy chọn" chọn "Sao chép công thức báo cáo"

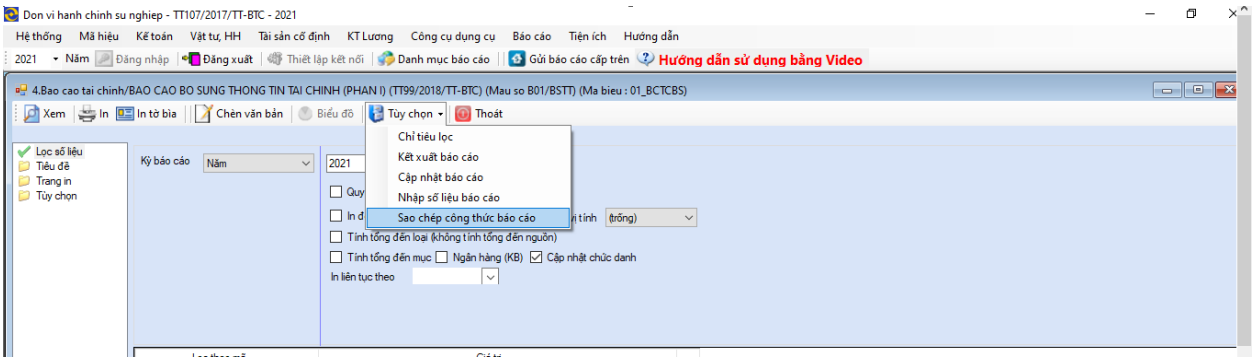


Bước 2: Bôi đen chỉ tiêu cần sao chép → chọn Loại hình đơn vị cần hiển thị dữ liệu → Thực hiện → Lưu

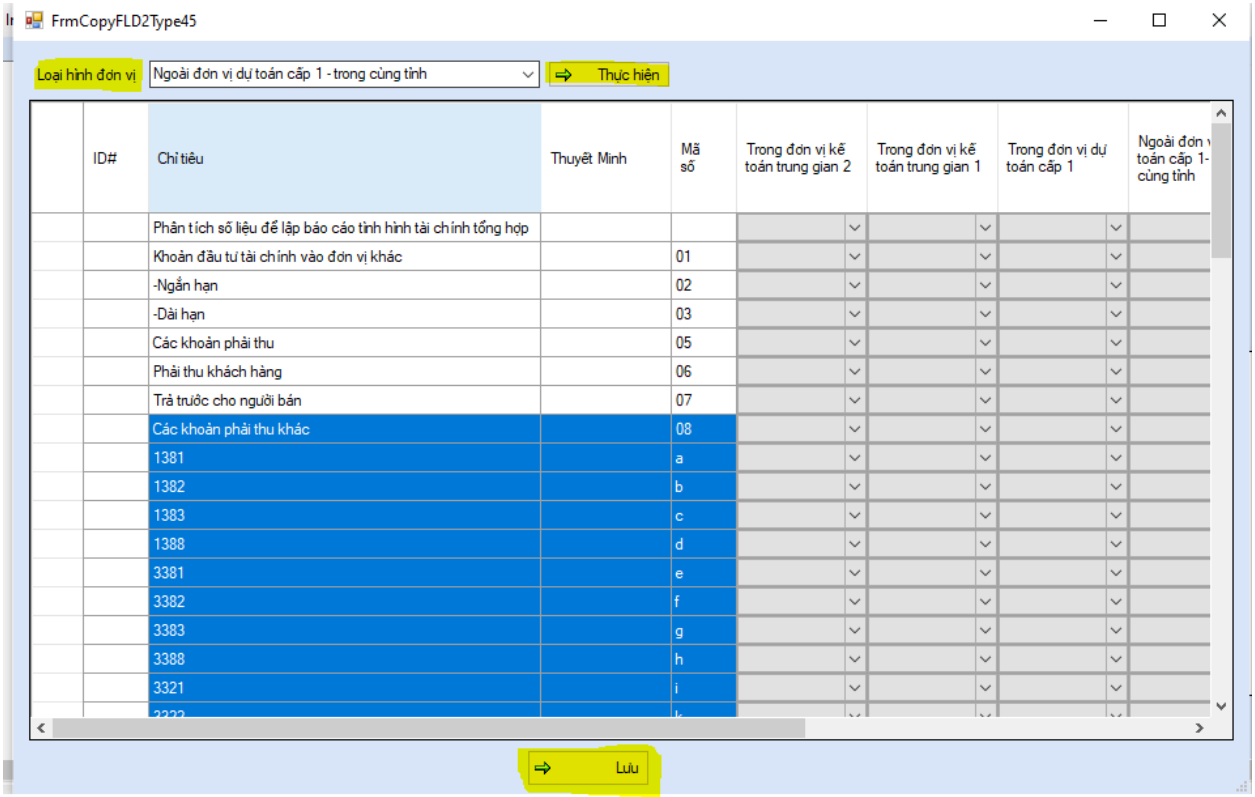


**KTXA (Kế toán xã):**

- Cập nhật mẫu biểu đối chiếu 20c (Sắp xếp tự chủ không tự chủ, nhóm theo CTMT): Hiển thị số 0 tại cột "Thực chi" và "Tổng số" khi không có phát sinh.

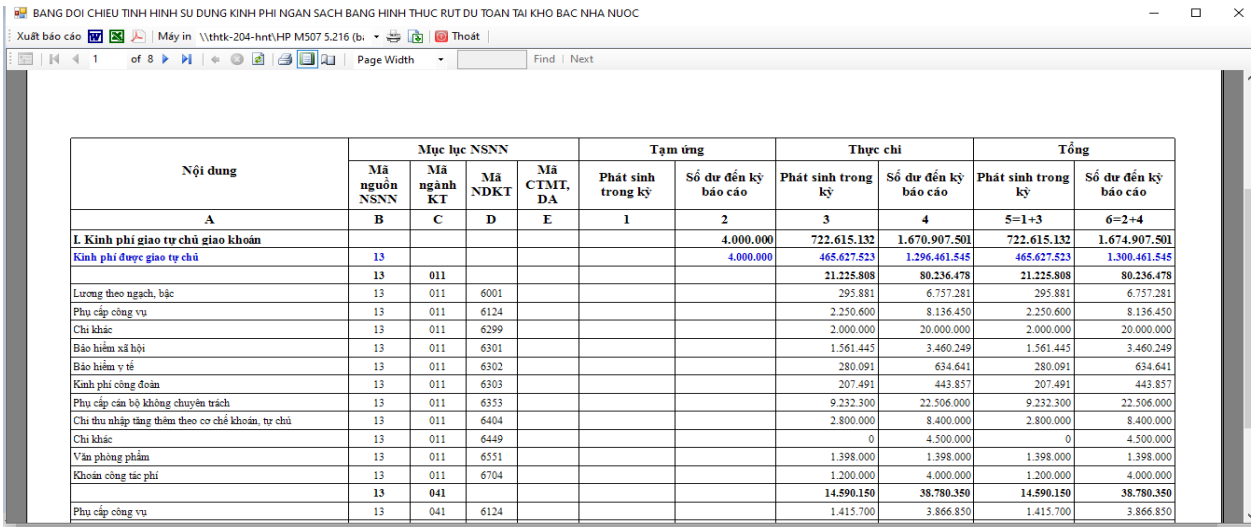


| Nội dung | Mục lục NSNN | | | | Tạm ứng | | Thực chi | | Tổng | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã nguồn NSNN | Mã ngành KT | Mã NDKT | Mã CTMT, DA | Phát sinh trong kỳ | Số dư đến kỳ báo cáo | Phát sinh trong kỳ | Số dư đến kỳ báo cáo | Phát sinh trong kỳ | Số dư đến kỳ báo cáo |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 | 4 | 5=1+3 | 6=2+4 |
| **I. Kinh phí giao tự chủ giao khoán** | | | | | | **4.000.000** | **722.615.132** | **1.670.907.501** | **722.615.132** | **1.674.907.501** |
| **Kinh phí được giao tự chủ** | **13** | | | | | **4.000.000** | **465.627.523** | **1.296.461.545** | **465.627.523** | **1.300.461.545** |
| | **13** | **011** | | | | | **21.225.808** | **80.236.478** | **21.225.808** | **80.236.478** |
| Lương theo ngạch, bậc | 13 | 011 | 6001 | | | | 295.881 | 6.757.281 | 295.881 | 6.757.281 |
| Phụ cấp công vụ | 13 | 011 | 6124 | | | | 2.250.600 | 8.136.450 | 2.250.600 | 8.136.450 |
| Chi khác | 13 | 011 | 6299 | | | | 2.000.000 | 20.000.000 | 2.000.000 | 20.000.000 |
| Bảo hiểm xã hội | 13 | 011 | 6301 | | | | 1.561.445 | 3.460.249 | 1.561.445 | 3.460.249 |
| Bảo hiểm y tế | 13 | 011 | 6302 | | | | 280.091 | 634.641 | 280.091 | 634.641 |
| Kinh phí công đoàn | 13 | 011 | 6303 | | | | 207.491 | 443.857 | 207.491 | 443.857 |
| Phụ cấp cán bộ không chuyên trách | 13 | 011 | 6353 | | | | 9.232.300 | 22.506.000 | 9.232.300 | 22.506.000 |
| Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ | 13 | 011 | 6404 | | | | 2.800.000 | 8.400.000 | 2.800.000 | 8.400.000 |
| Chi khác | 13 | 011 | 6449 | | | | 0 | 4.500.000 | 0 | 4.500.000 |
| Văn phòng phẩm | 13 | 011 | 6551 | | | | 1.398.000 | 1.398.000 | 1.398.000 | 1.398.000 |
| Khoán công tác phí | 13 | 011 | 6704 | | | | 1.200.000 | 4.000.000 | 1.200.000 | 4.000.000 |
| | **13** | **041** | | | | | **14.590.150** | **38.780.350** | **14.590.150** | **38.780.350** |
| Phụ cấp công vụ | 13 | 041 | 6124 | | | | 1.415.700 | 3.866.850 | 1.415.700 | 3.866.850 |

- Tạo mẫu biểu đối chiếu 20c dành riêng cho Huyện Nhà Bè - TP. Hồ Chí Minh trong thư mục "Biểu đặc thù" .

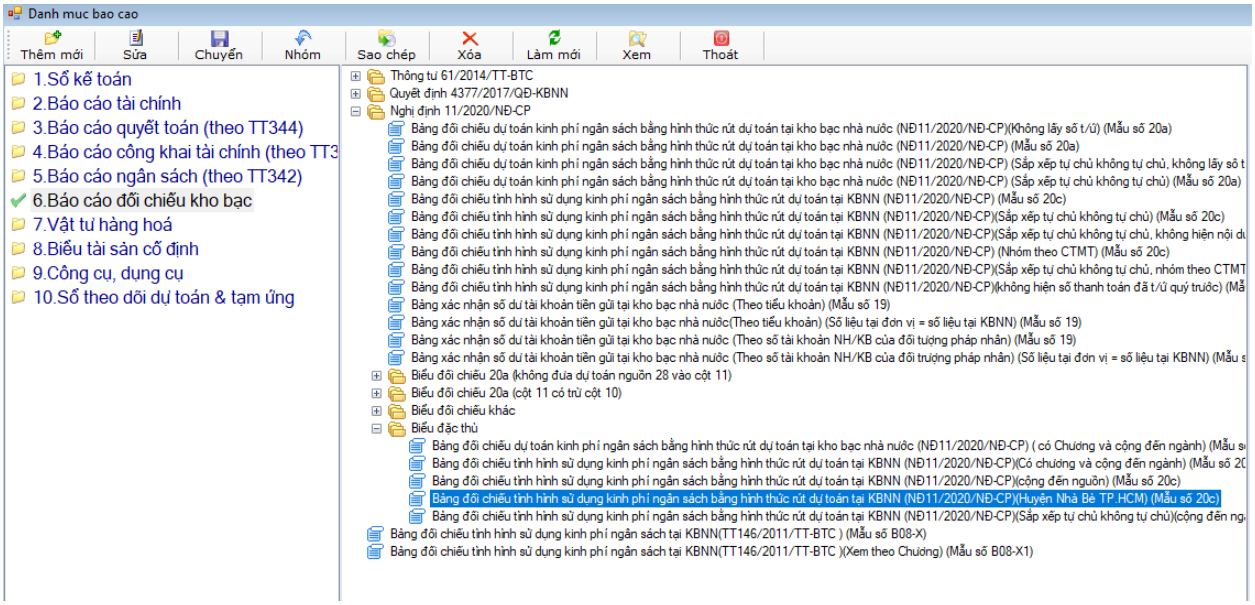


***Lưu ý:***

Nhằm phục vụ công tác đối chiếu của đơn vị, Trung tâm sẽ hỗ trợ tạo mẫu biểu đối chiếu riêng, đặc thù. Các đơn vị có nhu cầu xin liên hệ trực tiếp đến số tổng đài hoặc nhắn trong group zalo hỗ trợ.

**Cảm ơn các anh, chị đã sử dụng phần mềm của Trung tâm CGCN&HTKT!**